TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **24**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/6/2019
V/v "Xin ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Trọng Di
2. Bà Nguyễn Thị Bích Lam

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Văn Hồng Lễ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Lư Ngọc Qúi- Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 69/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc: "Xin ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2019/QĐST- HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H** – sinh năm 1986
Địa chỉ: dân phố A, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.
Bị đơn: Ông **Mai Đ** – sinh năm 1984
Địa chỉ: dân phố B, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.
Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 14/02/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: bà và ông Mai Đ xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2012 trên cơ sở tự

nguyện tìm hiểu yêu nhau, hai bên gia đình đồng ý nhưng không tổ chức lễ cưới hỏi cho vợ chồng bà, năm 2014 vợ chồng bà có đến UBND thị trấn P để đăng ký kết hôn.

Sau khi xác lập quan hệ, vợ chồng bà sống tại nhà bà nội của ông Đ, cuộc sống chung vợ chồng chỉ hạnh phúc một thời gian đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông Đ không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên kiếm chuyện gây gổ, chửi mắng và đánh đập bà, bà đã cố gắng chịu đựng và khuyên ông Đ để vợ chồng cùng làm ăn nuôi dạy con nhưng ông Đ không thay đổi mà ngày càng đánh đập bà nhiều hơn không thể chịu đựng được nữa nên bà về nhà cha mẹ ở từ đầu năm 2018 đến nay.

Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân đã thực sự đổ vỡ và không thể hàn gắn lại nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Mai Đ.

Về con chung: bà và ông Mai Đ có 02 con chung Mai Nguyễn Kim An – sinh ngày 13/9/2012 và Mai Thiên Tr – sinh ngày 14/01/2015 hiện nay các con đang ở với bà, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con chung đến khi trưởng thành, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Mai Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong triệu tập đến Tòa nhiều lần để tống đạt thông báo thụ lý nhưng ông không đến Tòa, Tòa án phối hợp với địa phương nơi ông Mai Đ cư trú để lấy lời khai của ông Đ về yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H, ông Đ có đến tại khu phố A, thị trấn P, huyện T để gặp Tòa án nhưng ông không hợp tác để lấy lời khai cũng như không nhận bất cứ văn bản tống tụng nào của Tòa án, theo ông thì hiện nay ông và bà H không còn sống chung nữa, không ai quan tâm đến ai và vợ chồng không thể hàn gắn được, ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn sự đã thực hiện đúng Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn không thực hiện đúng Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến Tòa căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: quá trình, giải quyết vụ án, ông Mai Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt cũng như không đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Tòa án đã xác định địa chỉ của ông đúng theo địa chỉ của nguyên đơn cung cấp và tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông Mai Đ, do ông Mai Đ vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Mai Đ xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống do ông Đ không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên kiếm chuyện gây gổ, chửi mắng và đánh đập bà, bà đã cố gắng chịu đựng và khuyên ông Đ nhưng ông Đ không thay đổi mà ngày càng đánh đập bà nhiều hơn không thể chịu đựng được nữa nên bà về nhà cha mẹ ở từ đầu năm 2018 đến. Vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân đã thực sự đỗ vỡ và không thể hàn gắn lại nên bà xin được ly hôn với ông Mai Đ

Ông Đ xác nhận hiện nay ông và bà H không còn sống chung nữa, không ai quan tâm đến ai và vợ chồng không thể hàn gắn được. Chứng tỏ cuộc sống vợ chồng bà H và ông Đ đã thực sự đỗ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà H ly hôn với ông Đ.

[3] Về con chung: bà và ông Mai Đ có 02 con chung Mai Nguyễn Kim An – sinh ngày 13/9/2012 và Mai Thiên Tr – sinh ngày 14/01/2015 hiện nay các con đang ở với bà H, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con chung đến khi trưởng thành, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà H là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Mai Đ.

3/ Về con chung: giao cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con chung Mai Nguyễn Kim An – sinh ngày 13/9/2012 và Mai Thiên Tr – sinh ngày 14/01/2015 đến khi trưởng thành, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bà H không được cản trở ông Đ việc trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

4/ Về án phí: bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0025856 ngày 19/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà H đã nộp đủ án phí.

5/ Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND tt Phan Rí Cửa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Thanh Nữ Kiều Oanh